

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nha Khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM VĂN KHOA

2. Ngày tháng năm sinh: 04/05/1971; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hoài Mỹ, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 37 Trần Huy Liệu, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: Không;

Điện thoại di động: 0772000300;

E-mail:

khoapv@ump.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 2003 đến 09/2018: Giảng viên Bộ môn Chữa răng - Nội nha, Khoa Răng Hàm Mặt, Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ 09/2018 đến 10/2023: Trưởng Bộ môn Chữa răng - Nội nha, Khoa Răng Hàm Mặt, Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 10/2023 đến nay: Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Đại Học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Đại Học Y Dược TPHCM;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Đại Học Y Dược TPHCM

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Răng Hàm Mặt, Đại Học Y Dược TPHCM

Địa chỉ cơ quan: 652 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 02838558735

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 03 tháng 10 năm 1995; số văn bằng: A138547; ngành: Răng
Hàm Mặt, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y Dược
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 08 tháng 03 năm 2008; số văn bằng: 1353; ngành: Y Học;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Y Dược
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 13 tháng 03 năm 2013; số văn bằng: 001999; ngành: Nha Khoa;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Y Dược
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 24 tháng 01 năm 2017,

ngành: Y học/Răng Hàm Mặt

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Đại Học Y Dược
Thành Phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Giải phẫu hệ thống ống tủy *in-vivo*
- Thiết đặt hệ thống *in-vitro* cho nghiên cứu vật liệu chữa răng và dụng cụ nội nha
- Vật liệu calcium silicate tương hợp sinh học trong điều trị nội nha

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 nhiệm vụ khoa học cấp Tỉnh;

- Đã công bố **70 bài báo khoa học**, trong đó **22 bài báo khoa học (19 bài là tác giả chính) trên tạp chí quốc tế có uy tín**;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có tư cách và phẩm chất đạo đức của một nhà giáo, giữ gìn phẩm chất và uy tín nhà giáo.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1								VD: 140/290/270
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2022-2023	1		2	1	201	263,9	464,9/679,9/220
5	2023-2024	3				253	252,3	510,3/630,3/170,5
6	2024-2025	3				253	271,3	529,3/649,3/170,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bậc 4, Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Bùi Huỳnh Anh	X		X		2018 – 2021	Đại học Y Dược TPHCM	12/04/2023
2	Nguyễn Ngọc Phúc	X		X		2019 – 2022	Đại học Y Dược TPHCM	29/12/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Sửa soạn hệ thống ống tủy trong điều trị nội nha	TK	Y học 2020	1	X	Toàn bộ	5612/QĐ-ĐHYD
2	Nội nha	GT	Y học	4	X	5-54	5610/QĐ-ĐHYD

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

			2020			97-289	
3	Mô phỏng tiền lâm sàng nội nha	GT	Y học 2020	5	X	70-124	5611/QĐ-ĐHYD
4	Bệnh học răng tập 1	GT	Y học 2025	7	X		1795/QĐ-ĐHYD
5	Nội nha (tái bản lần thứ nhất)	GT	ĐHQG TPHCM 2025	2	X	1-44 55-285	1487/QĐ-ĐHYD
6	Mô phỏng tiền lâm sàng và mô phỏng lâm sàng nội nha (tái bản)	GT	Y học 2025	7	X		1796/QĐ-ĐHYD
7	Sửa soạn hệ thống ống tủy trong điều trị nội nha (tái bản lần thứ nhất)	CK	ĐHQG TPHCM 2025	1	X	Toàn bộ	1488/QĐ-ĐHYD
8	Công nghệ số trong nghiên cứu nội nha	CK	ĐHQG TPHCM 2025	1	X	Toàn bộ	918/QĐ-ĐHYD

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: 2 sách chuyên khảo (1).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS				

1	Đánh giá kết quả điều trị tủy răng vĩnh viễn chưa đóng chóp bằng fibrin giàu tiểu cầu kết hợp MTA	Chủ nhiệm	69/QĐ-SKHCN ngày 28/01/2022	Tháng 3/2022 đến tháng 9/2024	412/QĐ-SKHCN ngày 16/5/2024 thành lập hội đồng nghiệm thu Biên bản nghiệm thu ngày 21/05/2024 Đạt
---	---	-----------	-----------------------------	-------------------------------	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; DT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Bài báo khoa học trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín sau khi được công nhận PGS							
1	Utilization of magnification devices in Vietnam's dental practice and education: an online survey https://doi.org/10.1186/s12903-025-06306-6	14	X Liên hệ	BMC Oral Health	ISI, IF: 3.1, Q1; Scopus, CiteScore: 3.9		25	06/06/2025
2	Effectiveness of a digital educational system on the learners' performance in preclinical fixed prosthodontic training https://doi.org/10.1038/s41405-025-00344-6	4	X Liên hệ	BDJ Open	ISI, IF: 2.2, Q1; Scopus, CiteScore: 3.2		11	27/05/2025
3	Comparative analysis of the fit quality of monolithic zirconia veneers produced through traditional and digital workflows using silicone replica technique: an in vitro study https://doi.org/10.1186/s12903-024-05361-9	5		BMC Oral Health	ISI, IF: 3.1, Q1; Scopus, CiteScore: 3.9	2	24	28/12/2024
4	Bài báo thay thế cho tiêu chuẩn thiếu 01 đề tài cấp Bộ Platelet-rich fibrin as an apical barrier for MTA placement in the treatment of teeth with open apices: a pilot study https://doi.org/10.1186/s12967-024-05318-0	15	X Đứng đầu và liên hệ	Journal of Translational Medicine	ISI, IF: 6.1, Q1; Scopus, CiteScore: 10.0	0	22(1)	25/05/2024
5	Platelet rich fibrin and MTA in the treatment of teeth with open apices	17	X Đứng đầu	BMC Oral Health	ISI, IF: 2.9, Q1; Scopus,	5	24(1)	13/02/2024

	https://doi.org/10.1186/s12903-024-03923-5		và liên hệ		CiteScore: 3.9			
6	Cytocompatibility and cell migration evaluation of calcium silicate-based root canal sealer compared to epoxide-amine resin sealer in stem cells from human apical papilla: An in-vitro study https://doi.org/10.1111/aej.12786	5		Australian Endodontic Journal	ISI, IF: 1.3, Q2; Scopus, CiteScore: 3.5	3	49(3)	03/08/2023
7	Static and Dynamic Cyclic Fatigue Resistance of Nickel-Titanium Rotary Instruments in a Double-Curved Stainless Steel Artificial Canal https://doi.org/10.3390/app13042687	5		Applied Sciences (Switzerland)	ISI, IF: 2.5, Q2; Scopus, CiteScore: 5.3	0	13(4)	19/02/2023
8	Dynamic cyclic fatigue resistance of NiTi instruments in a double-curved stainless steel canal with variable distances of displacement https://doi.org/10.3389/fmats.2023.1181356	1	X	Frontiers in Materials	ISI, IF: 2.6, Q2; Scopus, CiteScore: 4.8	0	10	18/05/2023
9	Root canal length estimated by cone-beam computed tomography at different slice thicknesses, dedicated endodontic software, or measured by an electronic apex locator https://doi.org/10.1038/s41598-022-10534-z	2	X Đứng đầu	Scientific Reports	ISI, IF: 4.6, Q1; Scopus, CiteScore: 7.5	2	12(1)	20/04/2022
10	Effectiveness of MTA apical plug in dens evaginatus with open apices https://doi.org/10.1186/s12903-021-01920-6	2	X Đứng đầu và liên hệ	BMC Oral Health	ISI, IF: 3.747, Q1; Scopus, CiteScore: 3.6	5	21(1)	08/11/2021
11	Differential scanning calorimetric investigations of three rotary nickel-titanium instrument systems before and after simulated clinical uses https://doi.org/10.1186/s12903-021-01857-w	1	X	BMC Oral Health	ISI, IF: 3.747, Q1; Scopus, CiteScore: 3.6	3	21(1)	02/10/2021
12	A comparison of cone beam computed tomography and periapical digital radiography for evaluation of root canal preparation https://doi.org/10.3390/app11146599	1	X	Applied Sciences (Switzerland)	ISI, IF: 2.838, Q2; Scopus, CiteScore: 3.7	1	11(14)	18/07/2021

13	Endodontic length measurements using 3D Endo, cone-beam computed tomography, and electronic apex locator https://doi.org/10.1186/s12903-021-01625-w	1	X	BMC Oral Health	ISI, IF: 3.747, Q1; Scopus, CiteScore: 3.6	5	21(1)	18/05/2021
14	Endodontic length measurements using cone beam computed tomography with dedicated or conventional software at different voxel sizes https://doi.org/10.1038/s41598-021-88980-4	1	X	Scientific Reports	ISI, IF: 4.996, Q1; Scopus, CiteScore: 6.9	5	11(1)	03/05/2021
15	Evaluation of reparative dentine bridge formation after direct pulp capping with biodentine https://doi.org/10.4103/jispcd.JISPCD_390_20	2	X Liên hệ	Journal of International Society of Preventive and Community Dentistry	ISI (ESCI), IF: N/A; Scopus, CiteScore: 1.9, Q3	9	11(1) 77-82	01/2021
16	A new method for assessment of nickel-titanium endodontic instrument surface roughness using field emission scanning electronic microscope https://doi.org/10.1186/s12903-020-01233-0	2	X Đứng đầu và liên hệ	BMC Oral Health	ISI, IF: 2.757, Q1; Scopus, CiteScore: 3.2	23	20(1)	31/08/2020
17	The accuracy of endodontic length measurement using cone-beam computed tomography in comparison with electronic apex locators https://doi.org/10.22037/iej.v15i1.26720	2	X Đứng đầu và liên hệ	Iranian Endodontic Journal	Scopus, CiteScore: 3.0, Q2	8	15(1) 12-17	12/01/2020
18	Cutting efficiency and dentinal defects using two single-file continuous rotary nickel-titanium instruments https://doi.org/10.4103/sej.sej_64_19	2	X Đứng đầu và liên hệ	Saudi Endodontic Journal	Scopus, CiteScore: 1.2, Q3		10(1) 56-60	01/2020
19	Bond strength and fracture resistance of flowable bulk fill composite posts and cores in endodontically treated teeth https://doi.org/10.4103/jispcd.JISPCD_187_19	2	X Đứng đầu và liên hệ	Journal of International Society of Preventive and Community Dentistry	ISI (ESCI), IF: N/A; Scopus, CiteScore: 2.1, Q2		9(5) 522-526	09/2019
20	Endodontic Length Measurements Using Different Modalities: An <i>In Vitro</i> Study	2	X Liên hệ	Journal of International Society of Preventive and	ISI (ESCI), IF: N/A; Scopus,		10 752-758	11/2020

	https://doi.org/10.4103/jispcd.JISPCD_357_20			Community Dentistry	CiteScore: 1.9, Q3			
21	Evaluation of root canal preparation using two nickel-titanium instrument systems via cone-beam computed tomography https://doi.org/10.4103/sej.sej_64_19	2	X Đứng đầu và liên hệ	Saudi Endodontic Journal	Scopus, CiteScore: 1.0, Q3	1	9(3) 210-215	01/2020
22	Evaluation of roots and canal systems of mandibular first molars in a Vietnamese subpopulation using cone-beam computed tomography https://doi.org/10.4103/jispcd.JISPCD_52_19	2	X Đứng đầu và liên hệ	Journal of International Society of Preventive and Community Dentistry	ISI (ESCI), IF: N/A; Scopus, CiteScore: 2.1, Q2	5	9(4) 356-362	07/2019
II	Bài báo khoa học trong nước sau khi được công nhận PGS							
23	So sánh hiệu quả tạo vùng tiếp xúc bên giữa hai loại khuôn trám toàn phần in-vitro https://doi.org/10.51298/vmj.v534i1B.8312	8		Tạp chí Y học Việt Nam			534(1B) 327-332	2024
24	Độ chính xác của hai loại motor nội nha tích hợp định vị chớp. https://doi.org/10.51298/vmj.v534i1B.8299	5		Tạp chí Y học Việt Nam			534(1B) 283-287	2024
25	So sánh tính kháng mỏi chu kỳ động của hai hệ thống trám ProTaper Universal và ProTaper Next.	5		Tạp chí Y học Việt Nam			525(Chu yên đề) 57-63	2023
26	Sự lành thương của tổn thương quanh chớp sau điều trị nội nha thông thường.	2		Tạp chí Y học Việt Nam			525(Chu yên đề) 71-74	2023
27	Điều trị bảo tồn sự sống tủy răng bằng vật liệu Calci Silicate. https://doi.org/10.51298/vmj.v525i2.5166	3	X Đầu tiên và liên hệ	Tạp chí Y học Việt Nam			525(2) 47-51	2023
28	Tính kháng mỏi chu kỳ tĩnh và động của hệ thống trám quay nickel-titanium. https://doi.org/10.51298/vmj.v520i1B.3925	4		Tạp chí Y học Việt Nam			520(1B) 375-378	2022
29	So sánh hiệu quả làm sạch của hai hệ thống dụng cụ đơn trám. https://doi.org/10.51298/vmj.v509i1.1685	3		Tạp chí Y học Việt Nam			509(1) 13-17	2021

30	Các kích thước từ các vách xương vùng chóp đến các cấu trúc giải phẫu của răng cối lớn thứ nhất hàm dưới trên Conebeam CT. https://doi.org/10.51298/vmj.v508i2.1584	3		Tạp chí Y học Việt Nam			508(2) 17-22	2021
31	Cảm giác đau sau sửa soạn ống tủy bằng phương pháp quay liên tục và quay qua lại. https://doi.org/10.51298/vmj.v504i1.827	2		Tạp chí Y học Việt Nam			504(1) 40-43	2021
32	Hiệu quả khử khuẩn ống tủy khi điều trị nội nha với hệ thống đơn trám tự điều chỉnh. https://doi.org/10.51298/vmj.v503i2.749	3		Tạp chí Y học Việt Nam			503(2) 1-5	2021
33	Đánh giá cảm giác đau và nhạy cảm sau điều trị che tủy trực tiếp với vật liệu sinh học Calcium Silicate. https://doi.org/10.51298/vmj.v502i2.622	2		Tạp chí Y học Việt Nam			502(2) 33-38	2021
34	Đánh giá hiệu quả sát khuẩn của dung dịch chlorhexidine 2% trên tủy răng hoại tử bằng kỹ thuật Real-Time PCR. https://doi.org/10.51298/vmj.v501i2.485	5		Tạp chí Y học Việt Nam			501(2) 15-10	2021
35	Tính kháng mỗi chu kỳ của các hệ thống trám quay qua lại.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 24, số 2 109-112	2020
36	Tính kháng xoắn của các hệ thống trám nickel-titanium.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 24, số 2 117-120	2020
37	Khả năng tạo dạng của hai hệ thống trám quay máy: nghiên cứu in-vitro dùng ConeBeam CT.	4		Tạp chí Y học TPHCM			26(02) 108-114	2022
38	Hiệu quả khử khuẩn ống tủy khi điều trị nội nha với hệ thống đơn trám quay qua lại.	3		Tạp chí Y học TPHCM			26(02) 115-121	2022
39	So sánh lượng vụn quá chóp của hai hệ thống đơn trám.	3		Tạp chí Y học TPHCM			26(02) 122-127	2022
40	Hiệu quả làm sạch ống tủy của Laser Erbium 2940 nm trong nội nha.	4		Tạp chí Y học TPHCM			26(02) 128-134	2022

41	Hiệu quả sát khuẩn lâm sàng của dung dịch chlorhexidine 2% và Natri Hypochlorite 3% trên tủy răng hoại tử bằng kỹ thuật Real-Time PCR.	2		Tạp chí Y học TPHCM			23(02) 79-87	2019
42	Hiệu quả diệt vi khuẩn Enterococcus Faecalis của Laser diode 810 nm: nghiên cứu in-vitro.	3		Tạp chí Y học TPHCM			23(02) 95-100	2019
43	Hiệu quả làm sạch vi khuẩn Enterococcus Faecalis của hai kỹ thuật sửa soạn ống tủy.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 21, số 2 167-173	2017
44	Tính kháng mỗi chu kỳ của các hệ thống trám nickel-titanium.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 21, số 2 180-193	2017
45	Đánh giá độ vi cứng của composite lỏng một khối Smart Dentin Replacement (SDR).	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 21, số 4 124-129	2017
46	Khả năng kháng gãy của hai composite một khối.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 21, số 4 130-135	2017
Bài báo khoa học trong nước trước khi được công nhận PGS								
47	Vi kế vùng chóp sau trám bít các răng được xử lý bằng laser diode bước sóng 980 nm (nghiên cứu in-vitro).	1	X	Y học Việt Nam			3(1) 17-21	2016
48	Đánh giá độ bền dán của chót sợi thủy tinh có và không có xử lý bề mặt chót.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 20, số 2 197-204	2016
49	Độ vi cứng của phục hồi composite trám một khối.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 20, số 2 190-196	2016
50	Khiếm khuyết trên thành ống tủy sau sửa soạn với hai hệ thống dụng cụ quay nickel-titanium.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 20, số 2 177-183	2016
51	So sánh chiều dài làm việc đo bằng máy định vị chóp và chiều dài của răng.	2		Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 20, số 2 171-176	2016
52	Sự thay đổi nhiệt độ bề mặt chân răng khi sử dụng laser diode theo các mức năng lượng khác nhau (nghiên cứu in-vitro).	1	X	Tạp chí Y học TPHCM			Phụ bản 20, số 2 165-170	2016
53	Khả năng duy trì trục ống tủy của hai hệ thống dụng cụ quay nickel-titanium ProTaper và WaveOne.	1	X	Y học Việt Nam			2(2) 31-36	2016

54	Độ bền dán của chốt sợi thủy tinh có và không có xoi mòn bằng acid hydrofluoric.	1	X	Y học Việt Nam			2(1) 23-27	2016
55	Phát hiện và tạo dạng ống tủy gần ngoài thứ hai của răng cối lớn thứ nhất hàm trên. https://doi.org/10.52852/tencyh.v101i3	3		Tạp chí Nghiên cứu Y học			101(3) 18-25	2016
56	Sự di lệch phần chóp ống tủy: thử nghiệm các trâm dũa K và trâm quay ProFile.	1	X	Y học Việt Nam			1(2) 37-41	2016
57	Đặc điểm thành ống tủy sau sửa soạn bằng dụng cụ quay nickel-titanium ProTaper.	1	X	Y học Việt Nam			12, số đặc biệt 273-279	2015
58	So sánh dạng ống tủy sau sửa soạn bằng hai kỹ thuật dùng dụng cụ cầm tay và quay máy.	1	X	Y học Việt Nam			12, số đặc biệt 280-285	2015
59	Sử dụng răng trong suốt trong giảng dạy nội nha.	2		Tạp chí Y học TPHCM			19(2) 6-11	2015
60	Độ bền kháng gãy của răng phục hồi bằng chốt sợi có tái tạo composite.	3		Tạp chí Y học TPHCM			19(2) 102-106	2015
61	Khả năng tạo dạng của dụng cụ quay máy ProTaper.	2		Tạp chí Y học TPHCM			19(2) 124-127	2015
62	Khả năng hạn chế vi kẽ của composite trám một khối và composite bơm trám từng lớp (nghiên cứu in-vitro).	3		Tạp chí Y học TPHCM			19(2) 128-134	2015
63	Đánh giá hiệu quả làm sạch calcium hydroxide trong ống tủy của một số dung dịch bơm rửa, nghiên cứu in-vitro.	3		Tạp chí Y học TPHCM			18(2) 216-221	2014
64	Hiệu quả của các phương pháp điều trị lại nội nha.	2		Tạp chí Y học TPHCM			17(2) 157-160	2013
65	Đánh giá độ bền dán composite resin trên men răng sau tẩy trắng răng bằng carbamide peroxide.	3		Tạp chí Y học TPHCM			17(2) 161-164	2013
66	Xác định vị trí của lỗ chóp răng cửa bên hàm trên.	3		Tạp chí Y học TPHCM			17(2) 202-206	2015
67	Đánh giá ảnh hưởng của dung dịch bơm rửa sodium hypochlorite 3% lên độ vi cứng của ngà chân răng.	3		Tạp chí Y học TPHCM			18(1) 293-297	2014
68	Đánh giá sự thay đổi bề mặt ngà vách ống tủy sau khi sử dụng laser diode trong nội nha.	1	X	Tạp chí Y học TPHCM			15(4) 136-143	2011

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

69	Đánh giá lớp mùn trên bề mặt ngà vách ống tủy sau khi sử dụng laser diode trong nội nha.	1	X	Tạp chí Y học TPHCM			15(3) 147-153	2011
70	So sánh hiệu quả của trâm ProTaper quay tay và ProTaper quay máy trong sửa soạn ống tủy.	3		Tạp chí Y học TPHCM			14(1) 306-313	2010

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS: **19 bài báo khoa học (1-2, 4-5, 8-22).**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS:.....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo Bác Sĩ Răng Hàm Mặt dựa trên năng lực	Tham gia	1655/QĐ-ĐHYD ngày 07/06/2019	Biên bản họp Hội đồng Khoa học – Đào tạo 2019 số 1145/BB-ĐHYD ngày 04/09/2019	Đại học Y Dược TPHCM	Ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học tại ĐHYD TP.HCM số 3757/QĐ-ĐHYD ngày 09/09/2019 Ban hành chương trình đào tạo đại học số 3758/QĐ-ĐHYD ngày 09/09/2019	
2	Xây dựng chương trình đào tạo đại học Khoa Răng Hàm Mặt	Tham gia	1210/QĐ-ĐHYD ngày 09/06/2022	1211/QĐ-ĐHYD ngày 09/06/2022	Đại học Y Dược TPHCM	Ban hành chương trình đào tạo đại học Ngành Răng – Hàm – Mặt số 2154/QĐ-ĐHYD ngày 30/08/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

Pham, VK., Pham, TLK., Pham, AT. *et al.* Platelet-rich fibrin as an apical barrier for MTA placement in the treatment of teeth with open apices: a pilot study. *J Transl Med* **22**, 498 (2024). <https://doi.org/10.1186/s12967-024-05318-0>

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Văn Khoa